

CẦN TIẾP TỤC ĐỔI MỚI ĐỀ THI NGỮ VĂN

• PGS.TS. ĐỖ NGỌC THÔNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Hàng năm, cứ sau mỗi mùa thi kết thúc trung học phổ thông và vào đại học, cao đẳng, dư luận xã hội lại “xôn xao” bàn luận về nhiều vấn đề xung quanh chuyện học và thi của nhà trường phổ thông. Năm nay (2009) cũng vậy, riêng về việc dạy và học môn Ngữ văn đã có rất nhiều ý kiến khác nhau, thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá của xã hội đối với công việc này của ngành Giáo dục. Trong rất nhiều ý kiến nêu lên, có những ý kiến hết sức đúng đắn, xác đáng mà những người làm công tác giáo dục nói chung và các tác giả sách giáo khoa, các thầy cô giáo dạy Ngữ văn trong cả nước cần suy nghĩ, rút kinh nghiệm... Nhưng cũng không ít ý kiến chưa hiểu đúng một số vấn đề liên quan đến dạy học, thi và kiểm tra đánh giá trong nhà trường phổ thông. Bài viết này xin nêu lên một vài điểm căn bản mà dư luận xã hội đang quan tâm và cần hiểu đúng.

1. Xác định đúng mục tiêu dạy học Ngữ văn

Trong một xã hội tiên tiến, hiện đại, khi khối lượng tri thức của nhân loại đã, đang và sẽ tăng lên vùn vụt theo cấp số nhân; khi cuộc sống thay đổi liên tục và liên tục có những biến động khó lường, khó dự báo... thì không có nhà trường nào lại lựa chọn cách dạy nhằm cung cấp số lượng các sự kiện và tri thức, đành rằng không thể thiếu chúng. Trong bối cảnh xã hội ấy, các môn học trong nhà trường cần lựa chọn được một định hướng đúng: dạy cách thức (phương pháp) tiếp nhận và tạo lập các giá trị văn hóa. Về lí luận, điều này không có gì mới, nhưng hiểu cho đúng và nhất là hiện thực hóa tư tưởng đó vào nội dung và công việc cụ thể của các môn học không phải là đơn giản, nếu không muốn nói là rất khó khăn và phức tạp. Tình hình dạy và học ở môn Ngữ văn là một minh chứng. Chỉ xin trả lời câu hỏi dạy và học môn Ngữ văn để làm gì, tức là xác định mục tiêu của môn học, đã thấy phức tạp.

Lâu nay, do đất nước ta có truyền thống coi

trọng văn chương nên cứ nói đến môn Văn là nghĩ ngay đến môn dạy và học về thơ, truyện, tiểu thuyết... mà ít nghĩ đến tính ứng dụng, thiết thực của môn học này. Điều này còn xuất phát từ một quan niệm khá cực đoan, hạn hẹp về tác phẩm thơ văn: một thời chỉ chọn và coi trọng những tác phẩm hư cấu tưởng tượng (fiction): thơ, truyện, tiểu thuyết... còn văn nghị luận, văn logic và các loại văn bản khác (nonfiction) ít được chú ý. Kết quả là một học sinh (HS) có thể thuộc rất nhiều thơ/văn nhưng ra đời vẫn không viết được một biên bản hay đơn, thư giao dịch cho đúng quy cách, rất lúng túng khi xem bản đồ một thành phố lớn để xác định các bến xe buýt và những điểm cần đến. Trong khi một GV dạy văn của Hoa Kỳ cho rằng: dạy tác phẩm Odyssey của Homer chỉ cần tập trung vào việc trang bị cho HS kiến thức và kĩ năng đi du lịch là chính, còn việc nắm nội dung của tác phẩm ấy thì để HS tự đọc ở nhà...

Không ai phủ nhận vai trò của thơ văn nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tư tưởng, nhân cách của người đọc, người học... nhưng mục tiêu đó không phải chỉ là độc quyền của bất cứ môn học nào. Đó là mục tiêu chung, mục tiêu xa. Mục tiêu mang tính đặc trưng - trực tiếp của môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông trước hết là dạy cho HS biết đọc, biết viết (literacy). Mục tiêu này được bắt đầu từ tiểu học và mở rộng lên trung học là hình thành cho HS văn hóa đọc và văn hóa viết. Tức là một người đọc và người viết có văn hóa.

Để đạt được mục tiêu trên, nhiệm vụ của môn học này phải giúp HS hình thành và rèn luyện hai năng lực thiết yếu: Đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản. Năng lực đầu giúp HS biết tiếp nhận, thưởng thức và đánh giá sản phẩm của người khác và năng lực sau biết tạo ra sản phẩm (nói và viết) của chính mình. Chính vì thế mà hầu hết các nước đều coi môn học này là môn công cụ.

Đọc hiểu và tạo lập văn bản có rất nhiều mức độ, thể hiện rất nhiều trình độ khác nhau. Thoát nạn mù chữ (biết đọc, biết viết) không có nghĩa là đã biết đọc hiểu. Nhiều người đọc rất to và rất lưu loát bài thơ, đoạn văn, hay một văn bản nhưng không hiểu trong đó nói gì hoặc hiểu không đúng thông tin mà văn bản đó muốn truyền đạt... Theo một bài viết trên tờ New Week, cho đến năm 1993, Hoa Kỳ vẫn có "gần một nửa số người lớn (khoảng 95,5 triệu người) không tự điền vào phiếu gửi tiền ngân hàng hoặc... không tìm được điểm khởi hành của xe buýt hướng dẫn trên bảng lịch trình vào ngày thứ bảy". Có lẽ vì thế mà Chương trình đánh giá HS quốc tế (PISA) thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế thế giới (OECD)¹ chủ trương coi trình độ đọc hiểu (reading literacy) là một trong ba lĩnh vực² chủ yếu để xác định năng lực HS giai đoạn cuối của giáo dục bắt buộc (compulsory education). Nhà trường phổ thông Việt Nam không thể không chú trọng tới việc dạy cho HS biết cách đọc-hiểu (cách tiếp nhận một văn bản). Trong cuộc sống, văn bản cần đọc hiểu rất phong phú, văn bản văn học (thơ, truyện, tiểu thuyết) chỉ là một trong các loại ấy.

Biết đọc thực chất là biết giải mã (decode) một văn bản, chuyển hệ thống kí hiệu thành một thông điệp có nghĩa, đúng với nội dung mà người kí mã (code) muốn truyền đạt. Đối với hầu hết các văn bản thông thường, kết quả giải mã cần giống nhau. Đọc một thông báo ở ga tàu mà mỗi người hiểu một cách thì rất nguy hiểm. Viết một biên bản, hay làm một hợp đồng mà ai hiểu thế nào cũng được thì hỏng. Và vì thế, cách đọc-hiểu cần có cơ sở khoa học, phải căn cứ vào nghĩa của câu, chữ và văn cảnh cụ thể. Nếu một văn bản thông thường mà hiểu khác nhau thì hoặc là người viết không đạt, hoặc là trình độ người đọc kém.

Phức tạp nhất trong môn học này là việc dạy đọc-hiểu văn bản văn học, một loại văn bản đặc biệt, sản phẩm của tư duy hình tượng, của hư cấu, mang đậm tính mơ hồ, đa nghĩa... Tuy nhiên, ngay cả với loại văn bản "phức tạp" này,

cũng không thể nhân danh tính đa nghĩa mà cho rằng tùy người đọc, muốn hiểu thế nào cũng được. Nghĩa của một văn bản văn học được tạo nên bởi nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố người đọc. Mỗi người có thể hiểu một cách khác nhau. Nhưng cũng cần thấy bên cạnh các nghĩa có thể thay đổi (inconstant), do quy ước chung về ngôn ngữ và tư duy, về các nguyên tắc thi pháp của mỗi thời kì, mỗi thể loại, tác phẩm văn học luôn có các nghĩa rất ổn định (constant) mà ai đọc cũng hiểu và cảm nhận như thế. HS rất cần được trang bị những hiểu biết này như là một trình độ văn hoá cơ bản...

Biết viết nói riêng không chỉ là viết đúng chính tả, ngữ pháp mà biết viết còn có những yêu cầu cao hơn: đó là viết phải có ý; không những thế, ý còn phải đúng, phong phú, mới mẻ, sáng tạo và độc đáo; phải biết trình bày, lập luận chặt chẽ, có logic, gây được ấn tượng, có phong cách và giọng điệu riêng...v.v. Cũng cần nói thêm, yêu cầu biết tạo lập văn bản còn bao hàm cả các hình thức tạo lập khác, mà trình bày miệng (nói) là một hình thức cần rèn luyện nhất. Nói thông, nói thạo, nói hay... là một yêu cầu cao trong tạo lập văn bản. Muốn viết và nói hay thì phải có hiểu biết sâu rộng, phải có văn hóa rất cao...

Tóm lại, dạy học môn Ngữ văn hiện nay đang điều chỉnh lại quan niệm cũ (quá coi trọng dạy văn chương thuần túy, quá nghiêng về việc GV lên lớp phân tích, bình giảng thơ văn cho HS nghe...) và tập trung hình thành quan niệm mới: giúp các em cách tiếp nhận (cách giải mã) và tạo lập (cách kí mã) các văn bản thông thường. Cân đối và coi trọng việc dạy tiếp nhận và tạo lập các loại văn bản: không phải chỉ có thơ văn hình tượng mà còn các loại văn bản khác đa dạng và gần gũi hơn với cuộc sống đời thường. Văn nghị luận, đặc biệt là nghị luận xã hội vì thế được chú ý ở cả phần đọc-hiểu và cả phần làm văn. Các văn bản thông thường (everydays texts) như đơn từ, biên bản, thư tín, quảng cáo, hợp đồng... cũng được dạy và luyện tập trong môn học này. Do không nắm được mục tiêu và quan niệm trên đây nên có ý kiến cho rằng SGK

¹ Organisation for Economic Co-operation and Development.

² Cùng với Scientific và Mathematical Literacy.

Ngữ văn thiếu chất văn, khô khan, nặng nề... Có nhiều người cứ băn khoăn sao không học những đoạn văn, bài thơ như hồi trước họ đã được học và vẫn còn nhớ đến bây giờ... Nhưng họ không biết rằng các bài thơ, văn hay ấy vẫn có trong SGK. Tôi chắc ai đó nếu ngồi xem toàn bộ SGK Ngữ văn từ lớp 1 đến lớp 12 thì sẽ không thắc mắc như thế nữa. SGK Ngữ văn hiện nay vẫn còn những thiếu sót, những bài chưa hay, nhưng khi nêu cái dở của nó cần có căn cứ và một sự nhìn nhận toàn diện.

2. Cần tiếp tục đổi mới đề thi ngữ văn hơn nữa

Sau khi đề thi đại học môn Ngữ văn năm 2009 công bố, đã có khá nhiều ý kiến nhận xét, đánh giá. Nhiều ý kiến khen và đánh giá cao đề thi năm nay ở câu nghị luận xã hội (NLXH) và cho đó là “đề mở”. Một số ý kiến cho rằng đề vẫn chưa thực sự đổi mới, “chưa mở hẳn”, câu chữ vẫn còn dài dòng, chưa gọn, dùng thuật ngữ (600 từ chưa chuẩn- lẽ ra phải dùng 600 chữ thi chính xác hơn). Một số ý kiến thắc mắc tại sao NLXH hay thế mà nay mới đưa vào... Một số khác băn khoăn “đề mở” như thế liệu đáp án có “mở” và người chấm có đủ bản lĩnh hay không? Rồi có người lại phát hiện câu trích trong đề thi khối C không phải là của Tổng thống A.Lincoln gây thêm nhiều băn khoăn khác trong dư luận...

Là một người có tham gia xây dựng chương trình và biên soạn SGK Ngữ văn, xuất phát từ mục tiêu và những yêu cầu của chương trình và SGK như trên đã nêu, tôi thấy cần trao đổi lại mấy điểm sau đây:

a/ Đề thi đại học 2009 mặc dù còn có những hạn chế, chủ yếu là cách diễn đạt câu chữ, nhưng nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu về cấu trúc và nội dung mà Bộ GD&ĐT đã nêu lên.

b/ Việc đề ra có câu NLXH (ở cả kì thi tốt nghiệp THPT và thi đại học khối C,D) không có gì mới đối với HS học theo chương trình và SGK Ngữ văn mới. Cấu trúc đề có NLXH trước hết là đáp ứng yêu cầu của Chương trình và SGK Ngữ văn. Việc mãi tới năm nay (2009), đề thi mới có câu NLXH, đúng là có “chậm đổi mới”, nếu so với chương trình và SGK giai đoạn cải cách giáo dục (CCGD). Vì sách CCGD cũng có NLXH,

nhưng không bao giờ thi. Còn với chương trình và SGK sau năm 2000, thì năm nay (2009) là năm đầu tiên thực hiện thi tốt nghiệp THPT và đại học trong toàn quốc theo chương trình, SGK Ngữ văn mới, cho nên việc yêu cầu có câu hỏi về NLXH trong đề thi tốt nghiệp và đại học là hoàn toàn hợp lí và kịp thời. Nếu không bỏ kì thi tốt nghiệp THCS thì việc ra đề NLXH đã xuất hiện từ 2005-2006. Tuy nhiên cần lưu ý, chú ý đúng mức đến NLXH là đúng đắn và cần thiết, nhưng không phải vì thế mà đề cao một cách thái quá, thiếu một sự thận trọng cần thiết đến mức chính người muốn đề cao lại đang hạ thấp nó. Chú ý và đề cao NLXH không có nghĩa là hạ thấp vai trò của nghị luận văn học (NLVH). Những hiểu biết về tác giả, tác phẩm văn học, năng lực cảm thụ, tiếp nhận văn học; kĩ năng phân tích, bình giá văn chương; kĩ năng diễn đạt, trình bày của người viết vẫn cần được chú ý trong kiểm tra đánh giá... Chỉ chú ý đến một trong hai loại bài NLVH hoặc NLXH đều là những biểu hiện của nhận thức và quan niệm cực đoan, nên tránh.

c/ Đề thi đại học năm nay không phải là “đề mở”. Vì đề nêu rất rõ ràng và cụ thể vấn đề cần nghị luận, có đủ cả câu dẫn, câu trích, câu lệnh, phạm vi bàn bạc, thậm chí cả độ dài của bài viết. Đã yêu cầu rõ cả như thế thì sao lại gọi là “đề mở” được. Đề mở mà chúng tôi quan niệm trong SGK Ngữ văn là đề chỉ nêu lên vấn đề, đề tài cần bàn bạc, không nêu yêu cầu gì về thao tác, kiểu văn bản, về phạm vi bàn bạc và độ dài của bài viết. Hoàn toàn tùy vào sức của HS. Đề mở có cả NLVH và NLXH chứ không phải chỉ mình NLXH. Chẳng hạn, đây là đề mở về NLXH: “Lòng nhân ái” hoặc “Phải chăng tiền bạc mua được tất cả?”... còn đây là đề mở về NLVH: “Sức hấp dẫn của bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)” hoặc “Điều tâm đắc nhất của anh/chị khi đọc truyện Vợ nhặt (Kim Lân)”... Tóm lại, đề thi đại học năm nay không phải đề mở. Hai câu NLXH là dạng đề bàn về một tư tưởng-đạo lí, một dạng đề quen thuộc đối với HS từ cấp THCS học theo chương trình và SGK mới. Và như thế đáp án phải nêu lên một số nội dung cơ bản cần đạt. Tuy nhiên, đáp án bao giờ cũng nên trừ ra một phần điểm để khuyến khích những HS có sáng

tao riêng, khác với đáp án miễn là hợp lí và có sức thuyết phục.

Trong việc đổi mới ra đề thi Ngữ văn, cần kết hợp dạng đề thông thường và dạng đề “mở” chứ không phải chỉ ra mỗi loại đề mở. Đề mở sẽ rất phù hợp khi cần có sự phân hoá cao để chọn cho đúng chất lượng HS khá giỏi. Trong các kì thi và kiểm tra thông thường thì cần kết hợp dưới dạng nhiều câu, trong đó có 1 câu theo “hướng mở”, chiếm một tỉ lệ điểm thích hợp nào đó để khuyến khích những HS khá giỏi. Điều này cũng giống như trong đề thi môn Toán thường có một câu rất khó để phân loại HS.

Loại đề mở nêu trên có điểm hay và cũng có những hạn chế nhất định. Cái hay của dạng đề này là phân hoá được HS rất rõ, người viết bài khó mà chép được “văn mẫu”, phải tự mình suy nghĩ và viết ra những ý nghĩ của chính mình... Điểm “hạn chế” của dạng đề này, nếu có, là chỗ khá khó đối với những HS trung bình. Đề như thế cũng khó làm đáp án cho rõ ràng rành mạch và GV chấm bài phải rất “vững tay”. Đáp án cho dạng đề văn này cũng phải là “đáp án mở”. Tức là, không nên bó chặt người viết vào một số ý nào (có sẵn, cho trước) mà chỉ nêu định hướng về cách giải quyết. Còn nội dung cụ thể thì để cho HS tự xác định, tự bộc lộ và trình bày. Người GV căn cứ vào nội dung và hình thức trình bày của HS mà đánh giá, cho điểm. Chất lượng của bài viết cũng không thể lấy ngắn dài mà đo được. Vấn đề là HS viết gãy gọn, sáng sủa, trình bày những suy nghĩ hoặc kể lại câu chuyện nào đó một cách trung thực, cảm động.

d/ Để đổi mới thực sự đề thi môn Ngữ văn, theo tôi cần chú ý hơn nữa tới tính phân hóa, nhất là kì thi đại học (chỉ chọn người có tài). Để phân hóa ngay trong đề NLXH với khối D có thể ra dạng đề nghị luận về một tư tưởng đạo lí (như đề năm nay đã ra). Đây là một dạng đề đã quen thuộc từ trước tới nay. Còn với khối C, nếu cùng dạng đề khối D thì câu danh ngôn cần khó hơn, hoặc ra dạng đề nghị luận về một hiện tượng đời sống (chẳng hạn: Anh/chị có suy nghĩ gì trước hiện tượng các cánh rừng tiếp tục bị tàn phá hoặc nhiều con sông đang biến thành “sông chết”?). Đây là dạng đề mới, khác với dạng đề nghị luận về một tư tưởng đạo lí, rất phong phú

và gắn gũi với đời sống, nó đòi hỏi sự sáng tạo của các thí sinh, khuyến khích các em trình bày suy nghĩ cá nhân, hạn chế việc dựa vào những bài văn mẫu, những tài liệu có sẵn.

Về NLVH, cho dù đổi mới cách hỏi nhưng nếu vẫn tiếp tục chỉ dừng lại ở các văn bản- tác phẩm đã học thì không bao giờ có đổi mới thực sự. Nếu đổi mới thực sự phải tiến tới yêu cầu HS đọc hiểu, phân tích và cảm thụ những đoạn thơ, đoạn văn hay chưa được phân tích trên lớp (có thể trước mắt là các tác phẩm đọc thêm). Vì như trên đã nêu, tinh thần của chương trình và SGK ngữ văn mới là trang bị cho HS cách đọc, phương pháp đọc. Những văn bản - tác phẩm được giảng trên lớp chỉ là mẫu để hình thành cho HS văn hóa đọc (phương pháp và cách thức khám phá tác phẩm); còn khi thi cần ra những văn bản tương tự nhưng chưa được học trên lớp (chưa được giải mã) thì mới đo được năng lực đọc-hiểu, cảm thụ nghệ thuật của HS, nhất là thi vào đại học. Giống như môn Toán, người ta chỉ dạy cho HS cách giải phương trình còn bài toán cụ thể thì khi thi phải là bài toán HS chưa được làm.

Dư luận xã hội, các bậc phụ huynh HS cần thông hiểu và đồng tình với yêu cầu đổi mới này để qua các kì thi thực sự lựa chọn được những HS có năng lực văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, *Chương trình giáo dục phổ thông Môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục, 2006.
2. Bộ GD&ĐT, *Đề thi đại học môn Văn*, 2009.
3. Đỗ Ngọc Thống, *Đánh giá năng lực đọc hiểu của HS nhìn từ yêu cầu của PISA*, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 40, 2009.
4. Các bài viết xung quanh đề thi đại học môn Văn (2009) trên các báo: Vietnamnet, tienphongonline, tuoitre.com.vn;vnmedia.vn ... (tháng 7/2009).

SUMMARY

Every year, after the high school graduation exam and the university entrance examination the public hot topic will be around teaching and learning in the schools. In 2009 the teaching and learning of Vietnamese language has been getting conflicting comments, reflecting the social views on this subject. The author discusses some basic points which is in social focus and shall be correctly understood: 1/ Clear identification of the goals of teaching Philology; 2/ continuation of changes in testing questions of Philology.